

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 123

LUẬN VỀ BIỂU - VÔ BIỂU (Phần 2)

Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Nên biết rằng trong này dựa vào ba quả để soạn luận, trừ ra quả sĩ dụng và quả tăng thượng, bởi vì quả sĩ dụng nhiều tạp loạn, nhiều pháp làm nhân có được một pháp; bởi vì quả tăng thượng không quyết định và rất rộng, như trước đã nói.

Các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Trong này dựa vào một nhân-nhiều quả để soạn luận”. Nếu dựa vào cách nói này thì:

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp, đó là quả đẳng lưu-dị thực và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có đó là quả đẳng lưu và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chẳng?

Đáp: không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chẳng?

Đáp: Không có. Nguyên cố thế nào? Bởi vì trong này dựa vào một nhân-nhiều quả mà soạn luận, cho nên không có Thể của nhân là hữu

lậu cũng là vô lậu như vậy; như không có nhân này, cũng không có quả này, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Các Sư phương Tây đưa ra cách nói như vậy: “Trong này dựa vào nhiều nhân-một quả mà soạn luận”. Nếu dựa vào cách nói này thì:

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu và dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này dựa vào nhiều nhân-một quả mà soạn luận, cho nên không có Thể của quả là hữu lậu cũng là vô lậu như vậy; như không có quả này, cũng không có nhân này, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu- quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Lời bình: Nên biết trong này cách nói trước là thích hợp, bởi vì văn của bản luận phần nhiều giống như trước, dựa vào một Thể của nghiệp để hỏi-đáp, không có một nghiệp mà Thể gồm chung nhiêm-tịnh.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Vô học và Học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, đạo vô gián thứ chín nhanh chóng chứng đoạn tất cả kiết do kiến-tu mà đoạn của ba cõi, các kiết ấy đoạn là quả của đạo này thì nên đáp rằng là có, tại sao nói là không có?

Đáp: Tuy là quả sĩ dụng của đạo này, mà không phải là quả ly hệ, trước đây đã nói trong này trừ ra quả sĩ dụng và quả tăng thượng, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp không gián đoạn dẫn dắt phát sinh khổ pháp trí nhãn, nhãn này phải là quả do Thế đệ nhất pháp dẫn dắt phát sinh, nên đáp rằng là có, tại sao nói là không có?

Đáp: Nhãn ấy tuy là quả sĩ dụng, mà không phải là do ba thân nhiếp, trước đây đã nói trong này dựa vào ba quả mà soạn luận, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Vô học chăng?

Đáp: Không có.

Như Đức Thế Tôn nói: “Không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ”. Cho đến nói rộng ra.

Tu có bốn loại, đó là tu đạt được-tu luyện tập-tu đối trị-tu trừ bỏ, như các phần trong chương Trí uẩn đã nói nhiều. Trong phần này dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đối trị và tu trừ bỏ.

Nếu đối với đạo đối trị thân-giới-tâm-tuệ, chưa sinh ra thì gọi là không tu thân, cho đến không tu tuệ. Đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, duyên với tất cả phiền não của thân-giới-tâm-tuệ, chưa đoạn-

chưa biết khắp thì gọi là không tu thân, cho đến không tu tuệ. Đây là dựa vào tu trừ bỏ mà nói.

Nếu đối với đạo đối trị thân-giới-tâm-tuệ, đã sinh ra thì gọi là tu thân, cho đến tu tuệ. Đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, duyên với tất cả phiền não của thân-giới-tâm-tuệ, đã đoạn-đã biết khắp thì gọi là tu thân, cho đến tu tuệ. Đây là dựa vào tu trừ bỏ mà nói.

Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược của phần này.

Hỏi: Thế nào là không tu thân?

Đáp: nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tược ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham, nghĩa là chưa lìa bỏ ái. Chưa lìa bỏ dục, nghĩa là đối với ái, dục chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ tược ưa thích, nghĩa là đối với ái, tược ưa thích chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ ưa thích, nghĩa là đối với ái, ưa thích chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ khao khát, nghĩa là đối với ái, khao khát chưa đoạn- chưa biết khắp. Và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Đắc. Người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, nghĩa là chưa tu tập và chưa an ổn. Tu nghĩa là tu luyện tập, an nghĩa là tu đạt được; và khởi lên gọi là tu, diệt mất gọi là an; lại thêm đã sinh ra gọi là tu, đã diệt đi gọi là an.

Nên biết trong này, nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tược ưa thích khao khát, thì gọi là không tu thân, là dựa vào tu trừ bỏ mà nói. Và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, thì gọi là không tu thân, là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có Sư khác nói: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tược ưa thích khao khát, thì gọi là không tu thân, nghĩa là đối với ái duyên vào thân, chưa đoạn- chưa biết khắp; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, gọi là không tu thân, nghĩa là đối với các phiền não khác duyên vào thân, chưa đoạn- chưa biết khắp.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa đoạn được ràng buộc; và đạo vô gián có thể trừ hết sắc tham..., là hiển bày chưa chứng được lìa bỏ ràng buộc. Như chưa được ràng buộc- chưa chứng được lìa bỏ ràng buộc; như vậy chưa giảm bớt lỗi lầm, chưa tu tập công đức, chưa lìa bỏ thấp kém, chưa chứng được tốt đẹp, chưa rời bỏ vô nghĩa, chưa đạt được có nghĩa, chưa trừ bỏ phiền não nóng bức của có ái, chưa thọ nhận niềm vui thư thái không có ái,

nên biết cũng như thế.

Hoặc có người nói: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày đạo vô gián chưa khởi lên tác dụng; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham..., là hiển bày đạo giải thoát chưa khởi lên tác dụng.

Lại có người nói: Đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ ba; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư. Sai biệt như vậy, như lý nên biết!

Hỏi: Thế nào là không tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới chưa lìa bỏ tham, nói rộng ra như đối với thân.

Hỏi: Thế nào là không tu tâm? Đáp: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham dục tưới thấm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., như trước nói; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Vô sắc; chưa tu-chưa an, như trước nói nên biết.

Trong này, nếu đối với âm chưa lìa bỏ tham dục tưới thấm ưa thích khao khát, thì gọi là không tu tâm, là dựa vào tu trừ bỏ mà nói; và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, thì gọi là không tu tâm, là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có Sư khác nói: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., nghĩa là đối với ái duyên vào tâm, chưa đoạn-chưa biết khắp; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham..., nghĩa là đối với các phiền não khác duyên vào tâm, chưa đoạn-chưa biết khắp. Phần còn lại nói rộng ra như trước.

Lại có người nói: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sai biệt như vậy, như lý nên biết.

Hỏi: Thế nào là không tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ chưa lìa bỏ tham..., nói rộng ra như phần tâm đã nói.

Đã nói về tự tánh của không tu thân..., tương xen tạp-không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu giới chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử không tu giới thì lúc ấy không tu thân chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì thân và giới cùng vào lúc lìa nhiễm

của Tĩnh lực thứ tư mới đoạn hết.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Những lúc không tu thân thì lúc ấy không tu tâm. Có lúc không tu tâm mà không phải là không tu thân, đó là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Những lúc không tu thân thì lúc ấy không tu tuệ. Có lúc không tu tuệ mà không phải là không tu thân, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu không tu giới thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Những lúc không tu giới thì lúc ấy không tu tâm. Có lúc không tu tâm mà không phải là không tu giới, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu không tu giới thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Những lúc không tu giới thì lúc ấy không tu tuệ. Có lúc không tu tuệ mà không phải là không tu giới, như trước đã nói.

Trong này, các câu như trước đã nói, đều có nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc, bởi vì nơi đối trị giống nhau.

Hỏi: Nếu không tu tâm thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử không tu tuệ thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì tâm và tuệ cùng vào lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mới đoạn hết.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tu thân-tu giới-tu tâm-tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là tu thân?

Đáp: Nếu đối với thân đã lìa bỏ tham dục tưởi thắm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, lúc ấy đối trị với đạo này đã tu-đã an.

Hỏi: Thế nào là tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới đã lìa bỏ tham, nói rộng ra như thân.

Hỏi: Thế nào là tu tâm?

Đáp: Nếu đối với tâm đã lìa bỏ tham dục tưởi thắm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối trị với đạo này đã tu-đã an.

Hỏi: Thế nào là tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ đã lìa bỏ tham, nói rộng ra như tâm.

Tỳ-bà-sa tóm lược và giải thích các câu ngược lại với phẩm Hắc (nhiễm ô) trước, như lý nên suy nghĩ.

Đã phân biệt về tự tánh của tu thân..., tướng xen tạp-không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu giới chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi, Giả sử tu giới thì lúc ấy tu thân chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì thân và giới cùng vào lúc lìa nhiễm của Tịnh lự thứ tư mới đoạn hết.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Những lúc tu tâm thì lúc ấy tu thân. Có lúc tu tâm mà không phải là tu tâm, nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Những lúc tu tuệ thì lúc ấy tu thân. Có lúc tu thân mà không phải là tu tuệ, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tu giới thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Những lúc tu tâm thì lúc ấy tu giới. Có lúc tu giới mà không phải là tu tâm, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu lúc tu giới thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Những lúc tu tuệ thì lúc ấy tu giới. Có lúc tu giới mà không phải là tu tuệ, như trước đã nói.

Trong này, các câu như trước đã nói, đều có nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc, bởi vì nơi đối trị giống nhau.

Hỏi: Nếu tu tâm thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử tu tuệ thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì tâm và tuệ cùng vào lúc lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ mới đoạn hết.

Đã thuận theo câu văn sai biệt của bản luận để giải thích về không tu thân-giới-tâm-tuệ..., nên tiếp tục thuận theo nghĩa để giải thích về sự sai biệt này.

Có người đưa ra cách nói này: Không tu thân, nghĩa là đối với bất tịnh, diên đảo tưởng là Tịnh, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với khổ, diên đảo tưởng là lạc, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với vô thường, diên đảo tưởng là Thường, chưa đoạn-chưa biết khắp. không tu tuệ, nghĩa là đối với vô ngã, diên đảo tưởng là Ngã, chưa đoạn chưa-biết khắp.

Có Sư khác nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Đoàn thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với Xúc thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm nghĩa là đối với Thức thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Ý tư thực, chưa

đoạn-chưa biết khắp.

Hoặc có người nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Sắc uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với Thọ uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với Thức uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Tưởng uẩn và Hành uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp.

Lại có người nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Sắc thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với thọ thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với Thức chủ động trú vào, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Tưởng thuận theo thức trú và Hành thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp.

Có người đưa ra cách nói này: Không tu thân, nghĩa là chưa tu Thân niệm trú. Không tu giới, nghĩa là chưa tu Thọ niệm trú. Không tu tâm, nghĩa là chưa tu tâm niệm trú. Không tu tuệ, nghĩa là chưa tu Pháp niệm trú.

Có Sư khác nói: Không tu thân, nghĩa là chưa tu về Thân tu. Không tu giới, nghĩa là chưa tu về Giới tu. Không tu tâm, nghĩa là chưa tu về Tâm tu. Không tu tuệ, nghĩa là chưa tu về Tuệ tu.

Có người khác lại nói: Không tu thân, nghĩa là thân đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu giới, nghĩa là giới đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu tâm, nghĩa là tâm đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu tuệ, nghĩa là tuệ đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận.

Hoặc lại có người nói: Không tu thân, nghĩa là thân chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho giới. Không tu giới, nghĩa là giới chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho Xa-ma-tha. Không tu tâm, nghĩa là Xa-ma-tha chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho Tỳ-bát-xá-na. không tu tuệ, nghĩa là Tỳ-bát-xá-na chưa có năng lực làm hại các phiền não.

Như không tu thân..., có những cách nói sai biệt như vậy; như vậy tu thân... trái lại với cách nói này, nên biết.

Nếu thành tựu giới quá khứ, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở vị lai hiện tại chăng? Cho đến nói rộng ra.

Loại có bốn loại:

1. Loại thuộc tu.
2. Loại thuộc luật nghi.
3. Loại thuộc quả.
4. Loại thuộc tướng tự.

Loại thuộc tu, như nói trong chương Trí Uẩn trước đây, nghĩa là lúc chưa từng đạt đạo hiện rõ ở trước mắt, có thể tu các đạo thuộc loại của mình ở vị lai.

Trong này, có người nói: Các đạo hữu lậu lấy hữu lậu làm loại, các đạo vô lậu lấy vô lậu làm loại.

Lại có người nói: Các đạo hữu lậu lấy tất cả hữu lậu-vô lậu làm loại, các đạo vô lậu lấy tất cả vô lậu-hữu lậu làm loại. Nếu lúc đạo hữu hiện rõ ở trước mắt, thì tu gồm chung đạo hữu lậu và vô lậu, đây là lực tu của đạo hữu lậu, cho nên cùng gọi theo loại ấy. Nếu lúc đạo vô lậu hiện rõ ở trước mắt thì tu gồm chung đạo vô lậu và hữu lậu, đây là do lực tu của đạo vô lậu, cho nên cùng gọi theo loại ấy.

Loại thuộc luật nghi, như chương nghiệp uẩn này nói, nghĩa là có lúc thành tựu giới quá khứ, mà không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại... trong này, luật nghi và luật nghi là thuộc loại, nghĩa là luật nghi Biệt giải thoát và luật nghi Biệt giải thoát là thuộc loại, luật nghi Tĩnh lự và luật nghi Tĩnh lự là thuộc loại, luật nghi Vô lậu và luật nghi Vô lậu là thuộc loại, luật nghi gia hạnh là luật nghi gia hạnh là thuộc loại, luật nghi căn bản và luật nghi căn bản là thuộc loại, luật nghi dấy khởi sau và luật nghi dấy khởi sau là thuộc loại, Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, Vô biểu và Vô biểu giới là thuộc loại.

Loại thuộc quả, như chương Căn Uẩn sau nói, nghĩa là có lúc thành tựu nhân căn loại này, chứ không phải là thân căn loại này... trong này, nếu pháp có ở cõi này, thì nói đây là loại ấy, nghĩa là pháp Cõi Dục và cõi Dục là thuộc loại, pháp cõi Sắc và cõi Sắc là thuộc loại, pháp cõi Vô sắc và cõi Vô sắc là thuộc loại.

Loại thuộc tương tự, như trong Tỳ-nại-da nói, nghĩa là Vật-đặc-tử tay trái phát ra ánh sáng, tay phải phân chia đồ nằm của Tăng cho người cùng loại, những người trì kinh và người trì kinh giống nhau, những người trì luật và người trì luật giống nhau, những người thuyết pháp và người thuyết pháp giống nhau, những người nhàn cư và người nhàn cư. Phân phối cùng loại chứ không phải là khác loại, bởi vì khiến cho lần lượt chuyển đổi tùy thuận với nhau, pháp thiện tăng lên mà pháp ác giảm sút. Như nói hữu tình các cõi khác nhau, có cùng loại thì lại tùy thuận với nhau, thắng giải ác thì đi cùng thắng giải ác, thắng giải thiện thì đi cùng thắng giải thiện, lại tùy thuận với nhau mà làm những việc cần làm.

Nay ở trong bốn loại này, dựa vào loại thuộc luật nghi mà soạn luận.

Hỏi: Nếu thành tựu giới quá khứ, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới quá khứ, không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự- Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với hiện tại chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Thành tựu giới quá khứ, không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, như trước đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di không hiện rõ trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo không hiện rõ trước mắt. Cận sự nữ... nói cũng như vậy. Nếu nói Vô biểu giới thì dùng Vô biểu giới làm thuộc loại.

Có những người muốn làm cho nếu lúc phạm giới thì giới hiện tại đoạn mất, quá khứ không mất. Họ nói trong này lại phải đưa ra cách nói này: Và Vô biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt; như đã thọ giới Cận sự mà hủy phạm, hoặc là đã thọ giới Sa di-giới Tỳ kheo mà hủy phạm, cận sự nữ... nói cũng như vậy.

Có những người muốn làm cho nếu lúc phạm giới thì hiện tại không đoạn mất, quá khứ cũng không mất. Họ nói trong này lại không có cách nói khác, bởi vì không chỉ thành tựu Vô biểu giới quá khứ, mà không phải là Vô biểu thuộc loại này ở hiện tại.

Cùng với vị lai chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu đã phát khởi-đã diệt mất, tuy thành tựu mà không hiện rõ trước mắt.

Cùng với hiện tại chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt, đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, như trước đó đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo hiện rõ ở trước mắt.

Trong này lại nên đưa ra cách nói như vậy: Và Vô biểu giới đã diệt không mất. Đây là nói Vô biểu giới và Vô biểu giới là thuộc loại.

Những người nói lúc phạm giới thì giới hiện tại đoạn mất, quá khứ

không rời bỏ. Họ nói thọ giới cận sự... rồi, cho đến sát-na thứ hai không có vi phạm, lúc ấy thành tựu Vô biểu hiện tại, cũng thành tựu quá khứ.

Những người nói lúc phạm giới thì giới hiện tại không đoạn mất, quá khứ cũng không rời bỏ. Họ nói thọ giới Cận sự... rồi, đến sát-na thứ hai đã vi phạm thì cũng thành tựu hiện tại, huống gì là không có vi phạm. Cận sự nữ... nói cũng như vậy.

Cùng với vị lai-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, đã phát khởi-đã diệt mất, cũng thành tựu-cũng hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu giới vị lai, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới vị lai, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc. Có lúc cùng với quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với hiện tại chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Có lúc thành tựu giới vị lai, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc; cùng với quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu đã phát khởi-đã diệt đi, tuy thành tựu mà không hiện rõ trước mắt.

Cùng với hiện tại chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Đây là nói Khổ pháp trí nhãn, và phần vị đạt được quả-chuyển căn ở sát-na thứ nhất hiện rõ trước mắt.

Cùng với quá khứ-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt đều như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu giới hiện tại, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở quá khứ- vị lai chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới hiện tại, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-vị lai, đó là Biểu giới bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ-vị lai, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không

mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Thành tựu giới hiện tại, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-vị lai, đó là Biểu giới bắt đầu hiện rõ trước mắt. Đây là nói về phần vị lần đầu thọ được luật nghi Biệt giải thoát.

Hỏi: Phần vị này cũng thành tựu giới gia hạnh quá khứ, tại sao nói không phải là quá khứ?

Đáp: trong này dựa vào loại thuộc luật nghi căn bản mà soạn luận, phần vị ấy chỉ là luật nghi gia hạnh, chứ không phải là luật nghi căn bản, cho nên không nói đến.

Cùng với quá khứ chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại; như trước đó đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo hiện rõ ở trước mắt. Cận sự nữ... nói cũng như vậy. Nếu nói Vô biểu giới và Vô biểu giới là thuộc loại, thì hai cách nói sai biệt như trước nên biết.

Cùng với vị lai chứ không phải là quá khứ, đó là giới vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt, đây là nói phần vị khổ pháp trí nhãn, và phần vị đạt được quả-chuyển căn ở sát-na thứ nhất hiện rõ trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai, đó là giới Tĩnh lực-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lực-Vô lậu, đã phát khởi-đã diệt đi, cũng thành tựu-cũng hiện rõ trước mắt.

Trong này, ba loại luật nghi là luật nghi Biệt giải thoát, luật nghi Tĩnh lực và luật nghi Vô lậu; chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát để an lập bảy chúng sai biệt, chứ không dựa vào hai loại còn lại.

Bảy chúng là:

1. Tỳ kheo.
2. Tỳ kheo Ni.
3. Thức-xoa-ma-na.
4. Sa di.
5. Sa di ni.
6. Ưu-bà-tắc.
7. Ưu-bà-di.

Hỏi: Vì sao chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát, an lập bảy chúng sai biệt chứ không dựa vào loại khác?

Đáp: Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát dần dần mà đạt được, cho nên dần dần mà an lập. Nghĩa là nếu có thể lìa bỏ bốn Tánh tội-một Giá tội,

thì gọi là Ưu-bà-tắc; nếu tiếp tục có thể lia bốn Tánh tội-nhiều Giá tội, thì gọi là Sa di; nếu có khả năng lia bỏ tất cả tánh tội- tất cả Giá tội, thì gọi là Tỳ kheo. Tỳ kheo Ni..., dựa theo như vậy nên biết.

Bảy chi luật nghi Tĩnh Lự-Vô lậu, mau chóng đạt được-mau chóng phát khởi-mau chóng an lập. Nếu dựa vào luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu để an lập bảy chúng, vậy thì bảy chúng an lập sai biệt thuận theo mau chóng chứ không phải là từ từ.

Có người đưa ra cách nói này: Luật nghi Biệt giải thoát, từ nghiệp Biểu ban đầu phát ra đạt được về sau, ở tất cả mọi lúc đều thành tựu hiện tại; hoặc là ngủ-hoặc là say- hoặc là điên-hoặc là buồn, hoặc là suy nghĩ-không suy nghĩ, hoặc là tâm nhiễm ô, hoặc là tâm vô ký, hoặc là không có tâm..., trong tất cả phần vị hiện tại nối tiếp nhau chuyển theo không gián đoạn, cho nên có thể dựa vào đó mà thiết lập bảy chúng riêng biệt. luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, nếu đang ở trong Định thì hiện tại thành tựu, hiện tại chuyển theo; ra khỏi Định thì không như vậy, cho nên không dựa vào đó để thiết lập bảy chúng riêng biệt. nếu dựa vào luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu để thiết lập bảy chúng riêng biệt, thì bảy chúng thiết lập sẽ không quyết định, bởi vì lúc nhập Định và xuất Định không có kỳ hạn.

Có Sư khác nói: Luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều chỉ riêng cõi Dục mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu gồm chung cõi trên đạt được, nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung cõi trên.

Có người khác lại nói: Luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều chỉ riêng loài người mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-vô lậu cũng gồm chung loài trời, nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung loài trời.

Lại có người nói: Luật nghi biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, chỉ nhờ vào có Phật xuất thế mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, nếu Phật xuất thế hay không xuất thế, thì đều có thể an lập. Nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, vậy thì bảy chúng an lập sai biệt cũng sẽ gồm chung vào lúc không có Phật xuất thế.

Có Sư khác nói: Vì sao không dựa vào luật nghi Tĩnh lự để an lập bảy chúng, mà chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát? Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, chỉ có trong đạo mà ngoại đạo thì không có; luật nghi Tĩnh lự thì tất cả nội đạo-ngoại đạo đều có. Nếu dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung ngoại đạo. Lại nữa, vì sao không dựa vào luật nghi Vô lậu để an lập

bảy chúng, mà chỉ dựa vào luật nghi biệt giải thoát? Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều gồm chung phạm Thánh; luật nghi vô lậu chỉ riêng Thánh chứ không phải là phạm. Nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập lẽ ra chỉ thuộc về Thánh.

Bởi vì các nhân duyên đã nói như vậy, cho nên chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát để an lập bảy chúng, chứ không dựa vào hai loại còn lại.

Như Đức Thế Tôn nói: “Ưu-bà-tắc có năm loại Học xứ, đó là lia bỏ sát sinh, lia bỏ trộm cắp, lia bỏ tà dâm, lia bỏ nói dối, lia bỏ uống rượu”.

Hỏi: Vì sao gọi là Ưu-bà-tắc?

Đáp: Bởi vì gần gũi tu tập và thực hành các pháp thiện, nghĩa là thân-tâm của người ấy gần gũi luyện tập pháp thiện, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì những người không đoạn mất thiện đều gọi là Ưu-bà-tắc chăng? Bởi vì thân-tâm của người ấy cũng tu thiện.

Đáp: Không phải như vậy. Bởi vì đây là dựa vào luật nghi đã thọ nhiếp các pháp thiện và hành diệp để lập thành tên gọi,

Hỏi: Nếu như vậy thì những người trú trong luật nghi đều gọi là Ưu-bà-tắc chăng? Bởi vì họ đều tu luật nghi thiện.

Đáp: Đây là bởi vì thuộc về ba đầu, cho nên có được tên gọi; luật nghi khác lại dùng duyên khác mà kiến lập. Lại nữa, đây là luật nghi bắt đầu tiến vào gia hạnh để có thể làm Cận sự, luật nghi khác và luật nghi này trái ngược nhau, cho nên điều ấy không phải là vấn nạn.

Có Sư khác nói: Bởi vì gần gũi kế thừa việc làm của các bậc Thiện sĩ, nghĩa là người ấy luôn luôn gần gũi kế thừa bậc Thiện sĩ, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì gần gũi tu tập thực hành tinh tiến, nghĩa là người người ấy luôn luôn yêu thích tu tập, nhanh chóng rời bỏ sinh tử, nhanh chóng chứng được Niết-bàn, mà thực hành tinh tiến, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Lại có người nói: Bởi vì gần gũi nhận giữ gìn giáo pháp của chư Phật, nghĩa là người ấy chí thành thọ trì giữ gìn pháp và giới luật của chư Phật, không tiếc thân mạng, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Vì sao năm loại này gọi là Học xứ?

Đáp: Bởi vì là những điều cần phải Học của hàng Cận sự.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học tích, bởi vì nếu có đi

qua năm loại này thì bước lên cung điện của trí tuệ Vô thượng. Như Tôn giả A-nậu-luật-đà nói với các Tỷ kheo: Tôi dựa vào giới-trú trong giới, giới là bậc thêm, đã có thể bước lên cung điện của trí tuệ Vô thượng, các thầy nên học dừng sinh tâm phóng túng!

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học hại, bởi vì học theo năm loại này làm hại đến các giới ác.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học lộ, bởi vì năm loại này là con đường của tất cả luật nghi, pháp thiện-hành diệu đều được chuyển biến.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học cấm, như các ngoại đạo đã thọ các loại pháp cấm sai biệt để làm ngọn cờ; như vậy Thánh chúng dùng năm loại pháp cấm đã học này để làm ngọn cờ đầu tiên.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học bản, bởi vì những điều cần phải học lấy năm loại này làm căn bản.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học cơ, bởi vì làm nền móng cho tòa thành Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao ở trong phi phạm hạnh, chỉ dựa vào lia bỏ vi phạm vị người khác mà kiến lập Học xứ, chứ không dựa vào lia bỏ vi phạm vợ mình?

Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Lia bỏ tà dâm là luật nghi đã thọ của hàng Cận sự và gia đình họ hành ở vùng này; lia bỏ tà dâm là luật nghi đã thọ của hàng Cận sự và gia đình họ hành ở vùng này; lia bỏ phi phạm hạnh thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghĩa là tà dâm có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; phi hạnh khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác”.

Có người đưa ra cách nói này: Vi phạm tà dâm do Tánh tội thân nghiệp, bị thế gian chê trách; phi phạm hạnh khác tuy là Tánh tội thân nghiệp, mà không phải là thế gian chê trách, cho nên ở đây không chế định.

Có người đưa ra cách nói này: Đối với vợ người khác... xa lia thì dễ chứ không phải là đối với vợ mình. Nghĩa là sống ở nhà vợ con vây quanh, ngày đêm quen gần gũi ân ái buộc chặt tâm ý, không thể nào thọ

trì xa lia thói quen gần gũi, bên trong thật sự bất tịnh-bên ngoài mượn cố trang nghiêm, thân thể vợ mình như chiếc xe phân được tô vẽ. Lia bỏ tà dâm thì dễ giữ gìn, nghĩa là mong cầu vợ người khác khó mà được như lòng mình muốn.

Có Sư khác nói: Nếu vi phạm vợ người khác thì chính là thuộc về nghiệp đạo ác căn bản, chứ không phải là đối với vợ mình, vì vậy không nói đến.

Có Sư khác nói: Đối với vợ mình sinh lòng ưa thích vừa đủ, cũng được gọi là phạm hạnh thuần nhất trọn vẹn trong sáng, cho nên ở đây không kiến lập. Có người nói: Đây là các phương tiện của Đức Phật khiến cho người khác tiến vào pháp. Nghĩa là Đức Phật trước tiên quán xét, nếu đưa ra pháp như vậy để kiến lập về giới của Cận sự, thì họ đối với hành ác có thể lia bỏ được bao nhiêu? Liền biết rõ như thật, điều họ đã lia bỏ thì như nghiệp bốn biển, điều chưa lia bỏ còn lại thì như hạt sương đầu ngọn cỏ. Họ đã có thể thấy vi phạm vợ người khác là tội lỗi thì có thể xa lia điều đó, không bao lâu cũng thấy vi phạm vợ mình là có tội thì sẽ xa lia, cho nên ở đây chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác.

Lại có người nói: Đây là phương tiện thích ứng khéo léo của chư Phật. Nếu Đức Phật vì điều ấy mà chế định đối với vợ mình, thì các vị Quốc Vương-Đại thần-Trưởng giả, không có thể rời bỏ vợ mình, sẽ thưa với Đức Phật rằng: Chúng con không thể nào thọ giới cấm của Như Lai, vẫn cầu xin trừ ra lia bỏ đối với vợ mình để chúng con nhờ vậy mà có thể có người kế tục! Vì vậy, Đức Phật chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác.

Có Sư khác nói: Nếu các Thánh giả trải qua nhiều đời không vi phạm thì kiến lập giới Cận sự, đối với vợ mình thì không như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì vi phạm vợ mình có ba loại, đó là từ tham-sân-si mà sinh ra. Thánh giả trải qua nhiều đời tuy không vi phạm từ si mà sinh ra, bởi vì si thuộc về phẩm Kiến thì Thánh giả đã đoạn, nhưng vi phạm tham-sân mà sinh ra, cho nên không kiến lập.

Hỏi: Nếu Ưu-bà-tắc lại thọ trì năm loại Học xứ như xa lia phi phạm hạnh... thì lúc ấy có đạt được các luật nghi riêng biệt, khác với các luật nghi đã thọ trước đó hay không?

Đáp: Lại không đạt được riêng biệt, nhưng gọi là Ưu-bà-tắc hơn hẳn, bởi vì thọ trì giới cấm xa lia phi phạm hạnh riêng biệt, như các Tỷ kheo, nếu lại thọ trì mười hai công đức Đầu-đà, thì lại không đạt được riêng biệt, khác với giới Tỷ kheo đã thọ trước đó, nhưng gọi là Đại Tỷ

kheo ưu biệt, bởi vì thọ trì hạnh xa lìa riêng biệt. Ưu-bà-tắc cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao trong bốn nghiệp đạo thiện của ngữ, chỉ riêng lìa bỏ lời nói dối gạt là kiến lập Học xứ, mà không phải là loại khác? Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Lìa bỏ lời nói dối gạt là luật nghi đã thọ của hàng cận sự và gia đình họ hàng ở vùng này; lìa bỏ lời nói chia rẽ... thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ lời nói dối gạt”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghiệp là lời nói dối gạt có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; lời nói chia rẽ... thì không như vậy”.

Có người đưa ra cách nói này: Lời nói dối gạt do tánh tội thâm nhiếp, sự chê trách nặng nề nhất; lời nói chia rẽ... tuy thuộc về Tánh tội mà chê trách nhẹ hơn, cho nên không kiến lập làm Học xứ.

Có người đưa ra cách nói này: Lìa bỏ lời nói dối gạt dễ dàng có thể giữ gìn chứ không phải là lìa bỏ ba loại như lời nói chia rẽ..., và những sự đánh đập... như trong thân nghiệp.

Lại có người nói: Dấy lên lời nói dối gạt thì nghiệp đạo nặng nề nhất, ba loại còn lại nhẹ hơn cho nên không kiến lập làm Học xứ của Cận sự.

Có Sư khác nói: Chỉ riêng lời nói dối gạt mới có thể phá hoại tăng, cho nên kiến lập Học xứ, ba loại còn lại thì không như vậy.

Có người khác lại nói: Nếu các Thánh giả trải qua nhiều đời không phạm thì thiết lập giới Cận sự, Thánh giả trải qua nhiều đời chắc chắn xa lìa nghiệp của lời nói dối gạt, chứ không phải là nghiệp của lời nói nào khác. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì những lời nói khác có ba loại, đó là từ tham-sân-si mà sinh ra. Thánh giả trải qua nhiều đời, tuy không phạm từ si mà sinh ra, bởi vì si thuộc về phẩm kiến thì Thánh giả đã đoạn, nhưng phạm do tham-sân mà sinh ra, cho nên không kiến lập.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong Giá tội chỉ riêng lìa bỏ uống rượu là kiến lập làm Học xứ?

Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các Luận sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Chỉ riêng lìa bỏ uống rượu là luật nghi đã thọ của hàng cận sự và gia đình họ hàng ở vùng này; lìa bỏ Giá tội khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ uống các thứ rượu”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có

pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghĩa là uống các thứ rượu có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; lìa bỏ Giá tội khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ uống các thứ rượu”.

Có người đưa ra cách nói này: Lìa bỏ uống các thứ rượu dễ dàng có thể giữ gìn, chứ không phải là Giá tội khác. Nghĩa là nghiệp sữ-nghiệp đường-nghiệp cháo... đủ có thể ngăn được cơn khát, sao dùng rượu làm gì?

Có Sư khác nói: Giới lìa bỏ uống rượu có thể giữ gìn tất cả các luật nghi khác, như hào sâu quanh tường thành có thể phòng ngừa bảo vệ tất cả.

Lại có người nói: Nếu không ngăn ngừa giữ gìn giới lìa bỏ uống rượu, thì hủy phạm toàn bộ các luật nghi khác, loại khác thì không như vậy.

Từng nghe có một Ưu-bà-tắc, bảm tánh nhân hậu hiền thiện, thọ trì năm giới chuyên tinh không phạm. Sau đó vào một lúc, người trong gia đình từ lớn đến nhỏ được mời làm khách dự đám tiệc, một mình người ấy không đến dự, để lại thức ăn dành bữa cho người ấy. Đến bữa lấy ăn, bởi vì nhiều vị mặn cho nên trong chốc lát thêm khát, thấy trong một cái bình có rượu giống như nước, bọ cơn khát bức bách liền lấy để uống. Lúc bấy giờ đã phạm vào giới lìa bỏ uống rượu. Lúc ấy có con gà của nhà bên cạnh đi vào trong nhà người ấy, tâm trộm cắp khởi lên, bắt giết thịt rồi luộc nấu mà ăn. Vào lúc này lại phạm đến giới lìa bỏ sát sinh-trộm cắp. Cô gái nhà bên cạnh đi tìm gà, đi vào trong nhà người ấy, lại dùng uy lực cưỡng bức làm chuyện dâm dục. Vì vậy lại phạm vào giới lìa bỏ tà hạnh. Gia đình cô gái ấy tức giận giữ đến quan phủ, lúc ấy người xét xử sự việc thẩm vấn nguyên do của sự việc, người ấy đều cự tuyệt che giấu. Do đó lại phạm vào giới lìa bỏ lời nói dối gạt. Như vậy, năm giới đều vì rượu mà phạm vào, cho nên trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có Sư khác nói: Rượu khiến cho mất hết ý niệm, tăng thêm không có tầm quý, lỗi lầm do rượu sâu nặng, cho nên chỉ chế định-kiến lập riêng về uống rượu.

Như trong Luật nói: “Trong nước Chế Địa có một con rồng ác độc, tánh vô cùng bạo ác, làm hại đến mùa màng ruộng vườn, người dân sống gần nơi ấy và các loài chim thú không dám đến gần hồ nước. Lúc ấy có Tôn giả tên gọi là Thiện Lai, dùng phương tiện khéo léo làm cho con

rồng ấy phải thuần phục. Vì vậy danh tiếng lan truyền khắp mọi nơi, thế là người phát tâm tin tưởng tranh nhau đến cúng dường. Dần dần đi khắp nơi giáo hóa, đến thành Thất-la-phiệt, gặp lúc trong thành ấy thiết hội thỉnh Tăng, có một Cận sự nữ gia cảnh không sung túc lắm, thỉnh một mình Thiện lai đến dâng cúng đồ ăn thức uống. Ăn nhiều vị mặn cho nên trong chốc lát thêm khát, bị cơn khát bức bách mà hiện rõ trạng thái mong cầu nghiệp uống. Lúc ấy Cận sự nữ dấy lên suy nghĩ này: Thức ăn mà Tôn giả đã ăn rất là nhiều mỡ béo, nếu uống nghiệp lạnh thì có lẽ sẽ dẫn đến bệnh tật. Liên tìm cách trao cho bình rượu trong veo. Vị ấy không xem xét kỹ càng, liền nhận lấy mà uống. Khen ngợi võ về xong, xếp y đi đến chùa Thắng Lâm, sắp đến nơi thì say mềm khó chịu, hoa mắt choáng váng liền ngã nhào, y bát-tích trượng lăn lóc trên mặt đất, thân thể phơi bày mà nằm không còn hay biết gì. Đức Phật dẫn A-nan đi qua trông thấy, biết mà cố ý hỏi người nằm ở đây là ai, vì sao say rượu mà nằm ở nơi này? A-nan thưa với Đức Phật rằng đây là Thiện Lai. Đức Phật bảo với A-nan hãy tập trung Tăng chúng! Tăng chúng tập trung rồi, Đức Phật ở giữa chúng. Trái chỗ ngồi như thường ngày, ngồi Kiết già uy nghiêm. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với chúng Tỳ kheo: Các thầy nghe thấy Tỳ kheo Thiện Lai đã từng dùng phương tiện khéo léo để thuần phục con rồng dữ hay không? Các chúng Tỳ kheo tùy theo người đã thấy-nghe, đều thưa với Đức Phật rằng: Chúng con đã từng nghe thấy, Đức Phật bảo rằng: Ý của các thầy nghĩ thế nào? Thiện lai bây giờ có thể thuần phục được con nhái hay không? Các Tỳ kheo đều thưa rằng: Không thể nào,

Thưa Đức Thế Tôn! Lúc bấy giờ Như Lai dùng các loại phương tiện chê trách lỗi lầm của rượu, bảo với các Tỳ kheo: “Các thầy nếu ai tôn xưng Phật làm vị Thầy, thì từ nay trở đi cho đến một giọt rượu dính trên đầu ngọn cỏ cũng không được uống”. Vì vậy trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có người đưa ra cách nói này: Uống rượu có thể làm cho trí tuệ sa sút, như nói trường giả trí tuệ sa sút, là lỗi lầm thứ sáu. Vì vậy trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có Sư khác nói: Thánh giả trải qua nhiều đời nhất định không uống rượu; tuy lúc còn bé thơ, mẹ nuôn nấng dùng ngón tay chấm giọt rượu nhỏ vào trong miệng, mà không tự nhiên cho nên không có lỗi. Vừa có nhận thức phân biệt, tuy gặp phải duyên cưỡng bức, vì giữ gìn thân mạng mà cũng dứt khoát không uống. Vì vậy trong Giá tội chỉ kiến lập về giới rượu.